

# SỐNG AN 2.0

Bảo hiểm tai nạn



# Quyền lợi nổi bật

Bảo vệ  
chất lượng

CHẤN THƯƠNG, THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN/  
CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG DO TAI NẠN

LÊN ĐẾN

100%

SỐ TIỀN BẢO HIỂM

CHẤN THƯƠNG DO TAI NẠN

LÊN ĐẾN

200%

SỐ TIỀN BẢO HIỂM  
SUỐT THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

TỬ VONG DO TAI NẠN

LÊN ĐẾN

300%

SỐ TIỀN BẢO HIỂM

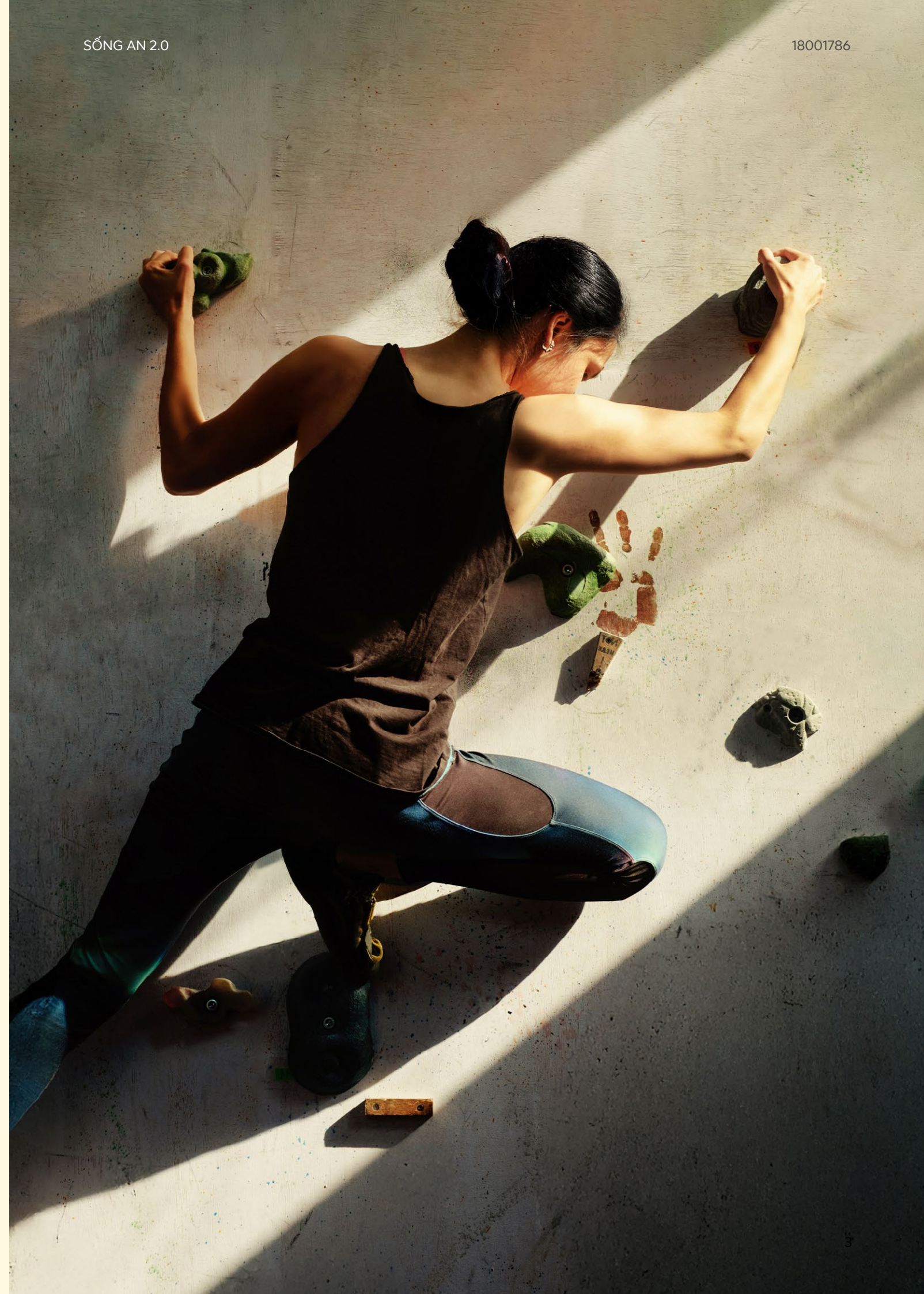
An tâm  
dài lâu

TỔNG QUYỀN LỢI THƯỞNG  
KHI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG

LÊN ĐẾN

50%

PHÍ NĂM



# Chi tiết quyền lợi

## 1. CHẤN THƯƠNG DO TAI NẠN

|                                     | Chấn thương                                                                                          | Tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm | Mức chi trả tối đa trên một Tai nạn (triệu đồng) |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>CHẤN THƯƠNG CƠ QUAN NỘI TẠNG</b> | Chấn thương các cơ quan nội tạng và có trải qua phẫu thuật ở vùng ngực/bụng                          | 15%                                  | 150                                              |
|                                     | Tràn khí màng phổi và/hoặc tràn máu màng phổi                                                        | 10%                                  | 100                                              |
| <b>GÃY XƯƠNG</b>                    | Nứt hoặc Vỡ xương sọ (loại trừ các xương mặt), và/hoặc Chấn thương sọ não có phẫu thuật mở hộp sọ    | 30%                                  | 300                                              |
|                                     | Gãy xương chậu                                                                                       | 30%                                  | 300                                              |
|                                     | Gãy một hoặc hai xương đùi                                                                           | 30%                                  | 300                                              |
|                                     | Gãy một hoặc nhiều thân đốt sống                                                                     | 15%                                  | 150                                              |
|                                     | Gãy xương hàm trên                                                                                   | 5%                                   | 50                                               |
|                                     | Gãy xương hàm dưới                                                                                   | 5%                                   | 50                                               |
|                                     | Gãy các xương mặt khác                                                                               | 5%                                   | 50                                               |
|                                     | Gãy một hoặc nhiều xương sườn                                                                        | 5%                                   | 50                                               |
|                                     | Gãy một hoặc nhiều các xương sau: xương đòn, xương cánh tay, xương trụ, xương quay và/hoặc xương vai | 5%                                   | 50                                               |
|                                     | Gãy một hoặc cả hai xương bánh chè                                                                   | 5%                                   | 50                                               |
|                                     | Gãy xương mác và/hoặc xương chày                                                                     | 5%                                   | 50                                               |
|                                     | Gãy một hoặc nhiều xương cổ tay hoặc đốt bàn tay                                                     | 2%                                   | 10                                               |
|                                     | Vỡ mắt cá, hoặc gãy xương gót chân, hoặc xương sên                                                   | 2%                                   | 10                                               |
|                                     | Gãy một hoặc nhiều xương đốt bàn chân                                                                | 2%                                   | 10                                               |
|                                     | Gãy một hoặc nhiều xương đốt ngón chân                                                               | 1%                                   | 5                                                |
|                                     | Gãy một hoặc nhiều xương đốt ngón tay                                                                | 1%                                   | 5                                                |



|                    | Chấn thương                                                                                                                                                | Tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm | Mức chi trả tối đa trên một Tai nạn (triệu đồng) |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>MÔ LIÊN KẾT</b> | Đứt hoàn toàn một hoặc nhiều dây chằng của khớp gối của một chân:<br>- Dây chằng giữa hoặc dây chằng bên<br>- Dây chằng chéo trước hoặc dây chằng chéo sau | 5%                                   | 50                                               |
| <b>BỎNG</b>        | Bỏng độ 3 từ 10% đến dưới 20% bề mặt cơ thể                                                                                                                | 50%                                  | 300                                              |
|                    | Bỏng độ 2 từ 20% bề mặt cơ thể trở lên                                                                                                                     | 10%                                  | 100                                              |

## 2. THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN/CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG DO TAI NẠN

|                                             | Thương tật vĩnh viễn/<br>Chấn thương nghiêm trọng                | Tỷ lệ phần trăm của<br>Số tiền bảo hiểm |
|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>THƯƠNG TẬT<br/>BỘ PHẬN<br/>VĨNH VIỄN</b> | <b>NHÓM 1</b>                                                    |                                         |
|                                             | Mất một cánh tay                                                 | 70%                                     |
|                                             | Mất một bàn tay                                                  | 50%                                     |
|                                             | Mất bốn ngón tay của một bàn tay<br>(không bao gồm ngón tay cái) | 35%                                     |
|                                             | Mất xương bàn tay ngón cái                                       | 18%                                     |
|                                             | Mất một ngón tay cái                                             | 15%                                     |
|                                             | Mất xương bàn tay ngón trỏ                                       | 13%                                     |
|                                             | Mất một ngón tay trỏ                                             | 10%                                     |
|                                             | Mất xương bàn tay ngón giữa                                      | 8%                                      |
|                                             | Mất một ngón tay giữa                                            | 6%                                      |
|                                             | Mất xương bàn tay ngón áp út                                     | 7%                                      |
|                                             | Mất một ngón tay áp út                                           | 5%                                      |
|                                             | Mất xương bàn tay ngón út                                        | 6%                                      |
|                                             | Mất một ngón tay út                                              | 4%                                      |
|                                             | Mất một hoặc nhiều đốt ngón tay                                  | 1%                                      |
|                                             | <b>NHÓM 2</b>                                                    |                                         |
|                                             | Mất một chân                                                     | 60%                                     |
|                                             | Mất một bàn chân                                                 | 50%                                     |
|                                             | Mất tất cả các ngón chân của một<br>bàn chân                     | 25%                                     |
|                                             | Mất một ngón chân cái                                            | 5%                                      |
|                                             | Mất một ngón chân bất kỳ<br>(khác ngón chân cái)                 | 1%                                      |
|                                             | <b>NHÓM 3</b>                                                    |                                         |
|                                             | Mất thị lực một mắt                                              | 50%                                     |
|                                             | Mất thính lực một tai                                            | 25%                                     |

|                                             | Thương tật vĩnh viễn/<br>Chấn thương nghiêm trọng                    | Tỷ lệ phần trăm của<br>Số tiền bảo hiểm |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>THƯƠNG TẬT<br/>TOÀN BỘ<br/>VĨNH VIỄN</b> | Thương tật vĩnh viễn dẫn đến mất khả năng<br>lao động từ 81% trở lên | 100%                                    |
|                                             | Mất hoặc liệt hai tay                                                | 100%                                    |
|                                             | Mất hoặc liệt hai chân                                               | 100%                                    |
|                                             | Mất hoặc liệt một tay và một chân                                    | 100%                                    |
|                                             | Mất thị lực hai mắt                                                  | 100%                                    |
|                                             | Mất hoặc liệt một tay và mất thị lực một mắt                         | 100%                                    |
|                                             | Mất hoặc liệt một chân và mất thị lực một mắt                        | 100%                                    |
|                                             |                                                                      |                                         |
| <b>CHẤN THƯƠNG<br/>NGHIÊM TRỌNG</b>         | Bỏng độ 3 từ 20% bề mặt cơ thể trở lên                               | 100%                                    |
|                                             | Hôn mê                                                               | 100%                                    |
|                                             | Chấn thương sọ não nghiêm trọng                                      | 100%                                    |

## 3. TỬ VONG DO TAI NẠN

| Tử vong                                                                                                                                  | Tỷ lệ phần trăm của<br>Số tiền bảo hiểm |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên các chuyến bay thương<br>mại có lịch trình được định sẵn và dành cho hành khách có mua vé | 300%                                    |
| Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên các Phương tiện<br>giao thông công cộng                                                   | 200%                                    |
| Tử vong do Tai nạn trong các Ngày nghỉ Lễ/Tết của Việt Nam                                                                               | 200%                                    |
| Tử vong do Tai nạn hỏa hoạn hoặc sự cố thang máy trong các Tòa<br>nhà công cộng                                                          | 200%                                    |
| Tử vong do Tai nạn khi đang làm việc                                                                                                     | 200%                                    |
| Người được bảo hiểm và vợ hoặc chồng của Người được bảo hiểm<br>tử vong trong cùng một Tai nạn                                           | 200%                                    |
| Tử vong do Tai nạn khác                                                                                                                  | 100%                                    |

# An tâm dài lâu

## QUYỀN LỢI THƯỞNG DUY TRÌ

Tổng quyền lợi chi trả lên đến **50%** Phí bảo hiểm đã đóng khi duy trì hiệu lực sản phẩm này liên tục trong khoảng thời gian mỗi 5 Năm hợp đồng tại thời điểm chi trả.

| Năm hợp đồng được thưởng | % Phí bảo hiểm đã đóng trong Năm hợp đồng được thưởng | Thời điểm trả thưởng (Cuối Năm hợp đồng) |
|--------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 5                        | 5%                                                    | 5                                        |
| 10                       | 10%                                                   | 10                                       |
| 15                       | 15%                                                   | 15                                       |
| 20                       | 20%                                                   | 20                                       |

Khoản thưởng này không được tích lũy lãi và được chi trả theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm: Qua chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng do Bên mua bảo hiểm cung cấp; hoặc Sử dụng để đóng phí bảo hiểm đến hạn.



# Thông tin chung

## TUỔI THAM GIA

30 → 70  
NGÀY TUỔI TUỔI

## THỜI HẠN BẢO HIỂM

TỐI ĐA ĐẾN TUỔI

75

# Lưu ý

- Nếu cùng một Tai nạn gây ra nhiều Chấn thương và Thương tật bộ phận vĩnh viễn, Công ty sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho tất cả các Chấn thương và Thương tật bộ phận vĩnh viễn theo quy định tại Bảng 1 và Bảng 2, nhưng không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm.
- Công ty chỉ chi trả một lần cho mỗi Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm.
- Quyền lợi Chấn thương do Tai nạn theo quy định tại Bảng 1 sẽ chấm dứt khi tổng quyền lợi chi trả cho Chấn thương do Tai nạn đạt 200% Số tiền bảo hiểm.
- Trong cùng một Tai nạn hoặc cùng một Năm hợp đồng (ngày xác định quyền lợi bảo hiểm sẽ căn cứ vào ngày xảy ra Tai nạn):
  - Tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả (bao gồm quyền lợi Chấn thương do Tai nạn và quyền lợi Thương tật vĩnh viễn/Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn được quy định tại Bảng 1 và Bảng 2) sẽ không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm.
  - Quyền lợi Chấn thương do Tai nạn và quyền lợi Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn được quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 đã chi trả (nếu có) sẽ bị khấu trừ khi Công ty chi trả quyền lợi tử vong được quy định tại Bảng 3.
- Trong cùng một Tai nạn, nếu Người được bảo hiểm thỏa cùng lúc nhiều sự kiện bảo hiểm dẫn đến chấm dứt hiệu lực sản phẩm này, Công ty sẽ chỉ chi trả cho một sự kiện bảo hiểm có tỷ lệ phần trăm cao nhất.
- Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Sun Life Việt Nam có thể thay đổi Phí bảo hiểm trong Thời hạn bảo hiểm. Sun Life Việt Nam sẽ thông báo trước ít nhất 3 tháng cho Bên mua bảo hiểm và Phí bảo hiểm mới sẽ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng kế tiếp.

# Tóm tắt điều khoản loại trừ

## SUN LIFE VIỆT NAM SẼ KHÔNG CHI TRẢ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NẾU NGUYÊN NHÂN GÂY RA TAI NẠN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN:

- Tự gây thương tích; hoặc
- Bạo động, dân biến, nội chiến hoặc hành động thù địch của các lực lượng có vũ trang; hoặc
- Tham gia đánh nhau, ẩu đả; hay chống lại việc bắt giữ của cơ quan có thẩm quyền; hoặc
- Tham gia lực lượng hải quân, quân đội hoặc không quân, hoặc bất kỳ hoạt động hoặc nhiệm vụ chiến đấu nào với bất kỳ lực lượng vũ trang nào của bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế nào; hoặc
- Tham gia vào các hoạt động nguy hiểm bao gồm: lặn có bình dưỡng khí, nhảy bungee, nhảy dù, leo núi, đua ngựa hay đua trên các phương tiện có bánh xe; hoặc
- Tham gia các hoạt động thể thao chuyên nghiệp; ngoại trừ cờ vua và cờ tướng đối kháng; hoặc
- Tham gia các hoạt động hàng không, nhưng không phải là hành khách trên chuyến bay thương mại; hoặc
- Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng theo bản án kết tội có hiệu lực của Tòa án mà hành vi này gây nên các sự kiện bảo hiểm được quy định trong sản phẩm này cho Người được bảo hiểm; hoặc
- Trực tiếp điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo quy định của Bộ y tế; hoặc
- Sử dụng chất kích thích, chất gây nghiện, thuốc ngủ, thuốc, thuốc an thần hoặc chất độc trái pháp luật hoặc không theo chỉ định của Bác sĩ; hoặc
- Nhiễm trùng, nhiễm độc trừ khi là hậu quả trực tiếp từ Tai nạn; hoặc đột tử; hoặc do tai biến; hoặc do hậu quả của quá trình điều trị bệnh, phẫu thuật; hoặc
- Nổ hoặc phóng xạ từ các loại vũ khí hạt nhân, nguyên tử hoặc hóa học hoặc việc nhiễm độc phóng xạ từ các cơ sở hạt nhân hoặc nguyên tử.

Các nội dung trong Tài liệu giới thiệu sản phẩm này chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về quyền lợi, điều khoản loại trừ và các nội dung khác được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được đăng tải tại website [www.sunlife.com.vn](http://www.sunlife.com.vn)

Bảo hiểm - Sống An 2.0 được cung cấp bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam. Việc tham gia Bảo hiểm - Sống An 2.0 không phải là điều kiện bắt buộc để Quý Khách được thực hiện các hoạt động và/hoặc sử dụng dịch vụ của tổ chức/đơn vị phân phối sản phẩm bảo hiểm này.



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM**

Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank Tower, số 5 Công trường Mê Linh, phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh.